

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 08-7-2025

V/v: “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Rành

2. Ông Nguyễn Như Thủy

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Định - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 783/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HN ngày 12 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025; giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Hồ Thị Tường V, sinh năm 1992

Căn cước công dân số: 083192000993

Địa chỉ thường trú: Ấp G, xã T, huyện B, tỉnh B (nay xã C, tỉnh V).

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ T2-06.08 chung cư Mone, số 35/12 đường B, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Nơi cư trú: 67/43 Vườn Điều, đường số 10, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. **Bị đơn:** Ông Trần Hữu T, sinh năm 1991

Căn cước công dân số: 049091010457

Địa chỉ thường trú: Thôn P, xã T, huyện N, tỉnh Q (nay xã T, thành phố Đ).

Địa chỉ tạm trú: Căn hộ T2-06.08 chung cư Mone, số 35/12 đường B, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên lạc: Số 35/7 đường B, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

(bà Hồ Thị Tường V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, ông Trần Hữu T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Hồ Thị Tường V trình bày:

Bà và ông Trần Hữu T qua thời gian quen biết, tìm hiểu được 04 năm thì cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2021, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số: 33 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B cấp ngày 06/10/2021). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống (tại căn hộ T2-06.08 chung cư Mone, số 35/12 đường B, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn do cách suy nghĩ, lối sống hoàn toàn khác nhau, càng ngày ông T càng bộc phát tính cách cộc cằn, cả hai thường xuyên cãi vã, luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống. Cụ thể, trong sinh hoạt hàng ngày, khi không đồng ý việc gì thì ông T rất mạnh dạn, la hét, đập phá đồ đạc trong nhà; nhiều khi nói một mình và chửi rủa đến khuya về những chuyện cũ của vợ chồng đã qua. Ngoài ra, do công việc của bà cần sự yên lặng để tập trung nghiên cứu, để nâng cao trình độ chuyên môn, nhưng ông T không tôn trọng, không giữ yên lặng mà lại mở nhạc với cường độ âm thanh cao làm ảnh hưởng đến sự tập trung của bà và ảnh hưởng đến trật tự, trị an với những nhà lân cận làm bảo vệ chung cư nhiều lần nhắc nhở, nên bà đã nhiều lần khuyên bảo ông T, nhưng không kết quả dẫn đến không có tiếng nói chung. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình hai bên đều biết, cũng đã nhiều lần khuyên bảo để hàn gắn, nhưng ông T vẫn không thay đổi, nên năm 2024 bà phải ra ở riêng (tại số 67/43 Vườn Điều, đường số 10, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh) từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và không có khả năng đoàn tụ. Nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên bà yêu cầu được ly hôn ông Trần Hữu T.

- Về con chung: Bà Hồ Thị Tường V xác định quá trình chung sống bà và ông Trần Hữu T có một con chung tên Trần Hồ Mỹ T, sinh ngày 10/02/2023, hiện bà đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Trần Hồ Mỹ T cho đến khi thành niên. Bà không yêu cầu ông Trần Hữu T cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Tường V và ông Trần Hữu T sẽ tự thỏa thuận, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Hồ Thị Tường V xác định bà và ông Trần Hữu T không có nợ chung, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc ly hôn của bà và ông Trần Hữu T không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào.

Đối với bị đơn ông Trần Hữu T: Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ, niêm yết công khai thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, nhưng ông T không đến Tòa án theo giấy triệu tập và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 03/4/2025, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, nhưng ông Trần Hữu T vắng mặt không lý do, nên không tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ được.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Hồ Thị Tường V vắng mặt do có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Trần Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn vi phạm quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bà Hồ Thị Tường V phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Hồ Thị Tường V và ông Trần Hữu T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2021, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nên bà V yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông T. Ông Trần Hữu T đang cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm

a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 (nay Khu vực 6) - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Trần Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Hữu T.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Về hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 33 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B cấp ngày 06/10/2021 thì hôn nhân giữa bà Hồ Thị Tường V và ông Trần Hữu T là hôn nhân hợp pháp.

[3.2] Về yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Tường V, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại Bản tự khai ngày 20/02/2025; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 03/4/2025, bà Hồ Thị Tường V đều xác định mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng do ông Trần Hữu T không giúp đỡ, tạo điều kiện cho bà V phát triển việc làm và học tập, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, nên không có khả năng đoàn tụ. Theo kết quả xác minh tình trạng cư trú ngày 10/3/2025 của Công an phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: *“Đương sự Trần Hữu T, sinh năm 1991 có đăng ký nơi ở hiện tại và thực tế cư ngụ tại T2-06.08 chung cư Mone, số 35/12 đường B, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh từ thời gian 18/10/2024 đến nay”*. Theo kết quả xác minh liên quan việc ly hôn ngày 09/4/2025 của Ủy ban nhân dân phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xác định: *“Tại thời điểm xác minh Căn hộ T2-06.08 chung cư Mone, số 35/12 đường B, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh không có ai tên Hồ Thị Tường V cư ngụ”*. Như vậy, có cơ sở xác định bà Hồ Thị Tường V và ông Trần Hữu T không chung sống với nhau. Tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...”*. Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân của bà Hồ Thị Tường V và ông Trần Hữu T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên yêu cầu ly hôn của bà Hồ Thị Tường V là có căn cứ, được chấp nhận.

[3.3] Về con chung: Bà Hồ Thị Tường V xác định quá trình chung sống với ông Trần Hữu T có một con chung tên Trần Hồ Mỹ T, sinh ngày 10/02/2023, hiện bà V đang trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn bà Hồ Thị Tường V yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ T cho đến khi thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.3.1] Về người trực tiếp nuôi con:

Xét trẻ Trần Hồ Mỹ T chưa đủ 7 tuổi, bà Hồ Thị Tường V đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Tiên từ tháng 02/2023 đến nay. Đề

bảo đảm được quyền lợi mọi mặt của trẻ, Hội đồng xét xử nghĩ nên giao trẻ T cho bà Hồ Thị Tường V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là cần thiết, nên yêu cầu của bà V về việc được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Trần Hồ Mỹ T cho đến khi thành niên là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên được chấp nhận.

[3.3.2] Về cấp dưỡng cho con: Bà Hồ Thị Tường V xác định không yêu cầu ông Trần Hữu T cấp dưỡng cho con. Xét đây là sự tự nguyện, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3.3] Đối với ông Trần Hữu T là người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền, lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trường hợp ông Trần Hữu T lạm dụng việc đi lại trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Hồ Thị Tường V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền trông nom con chung chưa thành niên của ông Trần Hữu T, theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Tường V tự thỏa thuận với ông Trần Hữu T, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Bà Hồ Thị Tường V xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về phía bị đơn ông Trần Hữu T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không có văn bản trình bày ý kiến, hoặc yêu cầu của ông về tài sản chung, nợ chung giữa ông và bà V. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết vấn đề về tài sản chung, nợ chung. Trường hợp ông T và bà V có tranh chấp về tài sản thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[4] Về án phí: Bà Hồ Thị Tường V là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Hồ Thị Tường V.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Tường V được ly hôn ông Trần Hữu T (Giấy chứng nhận kết hôn số: 33 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B (nay xã C, tỉnh V) cấp ngày 06/10/2021).

- Về con chung: Giao trẻ Trần Hồ Mỹ T, sinh ngày 10/02/2023 cho bà Hồ Thị Tường V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Hồ Thị Tường V không yêu cầu ông Trần Hữu T cấp dưỡng cho con.

Ông Trần Hữu T có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, và giáo dục con chung. Vì quyền, lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp ông Trần Hữu T lạm dụng việc đi lại thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bà Hồ Thị Tường V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Trần Hữu T.

- Về tài sản chung: Bà Hồ Thị Tường V tự thỏa thuận với ông Trần Hữu T, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Hồ Thị Tường V xác định bà và ông Trần Hữu T không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trường hợp ông Trần Hữu T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có thể khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

2. Về án phí: Bà Hồ Thị Tường V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P, số: 0037276 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (nay Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Hồ Thị Tường V đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6-TP.HCM;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6-TP.HCM;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh B (nay xã C, tỉnh V) GCNKH số: 33 đăng ký ngày 06/10/2021);
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (TK Định).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thạnh

